

MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN

Về dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT

Một là, thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước; tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở; cụ thể tại các văn bản sau:

- Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia.

- Chỉ thị số 09/CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới đề ra yêu cầu điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, chế độ, chính sách để tạo điều kiện cho lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở, nhất là Công an xã, bảo vệ dân phố đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp về khoán kinh phí chi trả phụ cấp để giảm dần số lượng những người hoạt động không chuyên trách.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII đề ra yêu cầu tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 08-NQ/ĐUCA ngày 01/8/2017 của Đảng ủy Công an Trung ương về tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an ninh, trật tự đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Luật Lực lượng trị an cơ sở.

Hai là, kịp thời tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục sử dụng lực lượng Công an xã bán chuyên trách tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn xã nơi bố trí Công an xã chính quy

Đến nay, các địa phương trong toàn quốc đã hoàn thành xong việc bố trí Công an xã chính quy tại 100% các xã, thị trấn với hơn 30 ngàn Công an xã chính quy. Điều này làm phát sinh thực tế là có 126.084 Công an xã, thị trấn bán chuyên trách đã được thay thế bằng Công an xã chính quy do sĩ quan, hạ sĩ quan Công an đảm nhiệm; do đó, phải bố trí cho các chức danh Công an xã bán chuyên trách này được tiếp tục tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn xã nơi bố trí Công an xã chính quy.

Ba là, bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và thi hành các quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Nhiều nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có tác động đến quyền con người, quyền công dân mà theo quy định của Hiến pháp năm 2013 phải được quy định trong văn bản luật. Vì vậy, xây dựng Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, vừa bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, vừa bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo đúng tinh thần của Hiến pháp. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý minh bạch trong việc xác định, phân định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được thực hiện và giới hạn, phạm vi, cách thức thực hiện để tránh việc lạm dụng, tùy tiện, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Bốn là, sắp xếp, bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng thống nhất, kiện toàn, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác, giảm chi ngân sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Hiện nay, việc bố trí các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là không thống nhất (bảo vệ dân phố được bố trí thành ban, tổ trên địa bàn phường; dân phòng được bố trí thành đội, tổ ở thôn, làng, ấp, bản, đơn vị dân cư tương đương; Công an xã bán chuyên trách được bố trí theo mô hình dân phòng). Trên một địa bàn cấp xã cùng tồn tại các lực lượng quân chúng với tên gọi khác nhau (dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách) và đều do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, quản lý, duy trì hoạt động để cùng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự có tính chất tương đồng, từ đó dễ dẫn đến chồng chéo, mâu thuẫn, chồng lấn. Do đó, dự thảo Luật đã quy định theo hướng sắp xếp thống nhất các lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ Công an xã thành một lực lượng với tên gọi chung là lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự, được bố trí ở thôn, tổ dân phố, đơn vị dân cư tương đương thuộc địa bàn cấp xã. Việc điều chỉnh theo hướng này sẽ

góp phần bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đồng thời góp phần kiện toàn, tinh gọn bộ máy theo chủ trương chung hiện nay cũng như kiện toàn lực lượng để có điều kiện tập trung nguồn lực, cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện cho hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được tốt hơn.

Năm là, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở

Trong điều kiện hiện nay khi tình hình thế giới, khu vực liên quan đến an ninh, trật tự đang diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp với nhiều vấn đề mới nảy sinh đã đặt ra yêu cầu phải tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các lực lượng chuyên trách cũng như phải huy động được quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng được nền an ninh nhân dân gắn với thể trận an ninh nhân dân để giữ vững an ninh, trật tự ngay từ địa bàn cơ sở, giải quyết kịp thời các vụ, việc liên quan đến an ninh, trật tự, không để tích tụ trở thành điểm nóng; qua đó góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

Sáu là, xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, có hiệu lực pháp lý cao quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Hiện nay, về tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được quy định ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật với nhiều hình thức khác nhau và do nhiều cơ quan ban hành, từ đó dẫn đến không đồng bộ, mâu thuẫn, chồng lấn. Do đó, sự cần thiết phải pháp điển hóa nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vào 01 đạo luật chung để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về an ninh, trật tự.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích xây dựng Luật

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối bên trong gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách nhà nước; cụ thể hóa và tạo cơ sở pháp lý để bảo đảm thi hành quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

- Xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, các lực lượng chức năng, trong đó có Công an nhân dân làm tham mưu, nòng cốt thực hiện.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, tổ chức, hoạt động của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, góp phần phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; bảo đảm các quy định của Luật được cụ thể và có tính khả thi.

- Tổng kết toàn diện thực tiễn hoạt động của các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; kế thừa các quy định pháp luật còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập để xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Tham khảo có chọn lọc pháp luật của một số nước về tổ chức, hoạt động của lực lượng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở để vận dụng quy định cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng dự án Luật, Bộ Công an đã thực hiện thủ tục thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến tham gia của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Dân vận Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Công an các đơn vị, địa phương và đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân theo quy định. Dự án Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định và được Chính phủ nhất trí trình Quốc hội.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự án Luật đã được xây dựng trên cơ sở bám sát 04 nhóm chính sách lớn đã được Bộ Công an báo cáo và Chính phủ nhất trí trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, cụ thể như sau:

1. Về nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Đây là nội dung quan trọng đã được nhiều ý kiến góp ý tham gia và đã được Bộ Công an nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý, hoàn thiện trong dự thảo

Luật. Theo đó, dự thảo Luật điều chỉnh thống nhất nhiệm vụ, quyền hạn của các lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách thành nhiệm vụ chung của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, xác định cụ thể phạm vi, giới hạn, phương thức, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm phù hợp với năng lực, trình độ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và thể hiện rõ đây là lực lượng tham gia phối hợp, hỗ trợ Công an cấp xã trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở, không trùng lặp với nhiệm vụ của Công an cấp xã chính quy và chính quyền cơ sở, cụ thể với 07 nhóm nhiệm vụ sau:

- Hỗ trợ thu thập, tổng hợp tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn phụ trách;
- Tham gia hỗ trợ, phối hợp phổ biến, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;
- Phối hợp, đề xuất, tổ chức thực hiện quy định về phòng, chống thiên tai, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;
- Phối hợp, tổ chức thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội trên địa bàn;
- Phối hợp tham gia vận động, thuyết phục, cảm hoá, giáo dục, giúp đỡ người vi phạm pháp luật đã bị xử lý trở về sinh sống tại cộng đồng;
- Bắt người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã; tham gia phối hợp truy bắt người đang bị truy nã, người trốn thi hành án phạt tù;
- Phối hợp, tổ chức thực hiện bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và các nhiệm vụ khác về bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Về sắp xếp, bố trí lực lượng

Đây là nội dung hết sức quan trọng và có tác động rất lớn đến những người đang hoạt động trong lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách. Do đó, trong quá trình xây dựng Luật, Bộ Công an đã chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiên cứu, tổng kết, khảo sát, đánh giá làm cơ sở đề xuất nội dung quy định trong dự thảo Luật.

Qua tổng kết thi hành các quy định của pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và gần đây nhất là qua khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động của lực lượng dân phòng trên toàn quốc do Bộ Công an thực hiện trong năm 2020 cho thấy, hầu hết các địa phương mặc dù có thành lập lực lượng dân phòng, bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách nhưng về cơ bản đều do cùng một số người đảm nhiệm (một người gánh hai vai, đội hai mũ), nguyên nhân là do không có đủ người tham gia, địa phương không có đủ kinh phí trang trải và thực sự nhiều địa phương đề xuất không nhất thiết cùng một lúc phải duy trì 03 lực lượng này mà nên gộp thống nhất thành một lực lượng chung.

Mặt khác, trong quá trình lấy ý kiến về đề nghị xây dựng Luật của các bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đều đề nghị cân nhắc nghiên cứu điều chỉnh lại theo hướng thống nhất lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ Công an xã để thành một lực lượng với tên gọi chung, được bố trí thống nhất trên địa bàn xã, phường, thị trấn; qua đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở.

Trên cơ sở đánh giá tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật và qua nghiên cứu, tiếp thu ý kiến tham gia, Bộ Công an đã báo cáo và được Chính phủ nhất trí quy định trong dự thảo Luật theo hướng sắp xếp thống nhất lực lượng bảo vệ dân phố, dân phòng, Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ Công an xã thành một lực lượng với tên gọi chung là lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và được bố trí thành Tổ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố, đơn vị dân cư tương đương thuộc địa bàn cấp xã. Việc điều chỉnh theo hướng này sẽ góp phần:

- Bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn.

- Kiện toàn, tinh gọn bộ máy theo chủ trương chung hiện nay cũng như kiện toàn lực lượng để có điều kiện tập trung nguồn lực, cơ sở vật chất và bảo đảm điều kiện cho hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được tốt hơn, thật chất hơn.

- Xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; khắc phục thực trạng hiện nay là có nhiều lực lượng cùng tham gia nhưng không xác định được chủ thể chịu trách nhiệm chính.

- Làm thay đổi sự nhìn nhận, đánh giá của người dân về vị trí, vai trò của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tích cực. Khắc phục hạn chế, bất cập hiện nay khi rất khó phân biệt tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn, trang phục, địa bàn, phạm vi hoạt động... của các lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Giảm số người hoạt động trong lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự, giảm chi ngân sách nhà nước.

3. Về xác định trách nhiệm, quan hệ phối hợp của cơ quan, tổ chức đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trong việc thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự

Nội dung nêu trên đã được nhiều ý kiến tham gia đề nghị cơ quan chủ trì cần làm rõ hơn mối quan hệ giữa lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với các lực lượng khác cũng như các nội dung phối hợp giữa các lực lượng trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở cũng như xác định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Bộ Công an đã tiếp thu và quy định trong dự thảo Luật như sau:

- Về quan hệ công tác của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, dự thảo Luật quy định lực lượng này: Chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân cấp xã; chịu sự quản lý, điều hành, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ bảo vệ an ninh, trật tự của cơ quan Công an và tham gia cùng Công an cấp xã trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở; đối với các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phối hợp với lực lượng dân quân tự vệ, đoàn thể quần chúng, lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tham mưu và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã trực tiếp quản lý xây dựng kế hoạch phối hợp và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự trên địa bàn phụ trách.

- Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Dự thảo Luật quy định trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền địa phương các cấp, trách nhiệm của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong việc quản lý, giám sát hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Đây là những vấn đề mới mà pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể. Việc quy định trong Luật này sẽ tạo cơ sở pháp lý để xác định trách nhiệm, quan hệ phối hợp của cơ quan, tổ chức đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trong việc thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

4. Về bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Dự thảo Luật quy định việc bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do ngân sách địa phương hỗ trợ, cân đối kết hợp với huy động nguồn lực trong nhân dân. Theo đó, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng, được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (pháp luật hiện hành đang quy định bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng và hưởng mức bồi dưỡng, hỗ trợ; Công an xã bán chuyên trách khi kết thúc nhiệm vụ Công an xã được tiếp tục sử dụng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, được hưởng phụ cấp hàng tháng và mức bồi dưỡng, hỗ trợ). Việc xác định cụ thể, thống nhất việc bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở góp phần bảo đảm đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; đồng thời, là để cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về giảm chi từ ngân sách nhà nước để chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách, tiến tới giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách; bảo đảm mỗi thôn, tổ dân phố và tương

đương chỉ bố trí không quá 03 người hoạt động không chuyên trách và được hưởng phụ cấp hàng tháng theo Kết luận số 64-KL/TW ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngoài nội dung nêu trên, dự thảo Luật trên cơ sở kế thừa quy định của pháp luật hiện hành đối với lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách và vận dụng quy định của Luật Dân quân tự vệ để quy định bao quát hơn các điều kiện bảo đảm hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, bao gồm: Bố trí địa điểm, nơi làm việc và trang bị của lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; bồi dưỡng, huấn luyện, bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, trang bị, quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ, trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; giải quyết trường hợp lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương, hy sinh./.

MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN
Về dự án Luật Cư trú (sửa đổi)

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT

Trước yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới, yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân và chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật về cư trú; trong đó, việc xây dựng, ban hành Luật Cư trú (sửa đổi) là cần thiết với những lý do cụ thể sau đây:

***Thứ nhất,** bảo đảm tốt hơn nữa quyền tự do cư trú của công dân*

Việc sửa đổi Luật Cư trú là để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về bảo đảm quyền con người, quyền công dân liên quan đến quản lý cư trú theo hướng quy định công khai, minh bạch, đơn giản hóa giấy tờ, giảm thời gian, chi phí; xóa bỏ các thủ tục hành chính còn rườm rà, dễ bị lợi dụng để gây phiền hà cho người dân; qua đó, bảo đảm tốt hơn nữa việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân.

***Thứ hai,** góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong tình hình mới*

Trước yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới, Đảng ủy Công an Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/ĐUCA ngày 08/01/2018 về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết đã đặt ra nhiệm vụ: Tăng cường quản lý cư trú, quản lý dân cư, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trong tình hình mới.

***Thứ ba,** thực hiện việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến công tác đăng ký, quản lý cư trú*

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30/10/2017 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, trong đó có phương án bãi bỏ hình thức quản lý dân cư bằng Sổ Hộ khẩu, Sổ Tạm trú và thay thế bằng hình thức quản lý theo số định danh cá nhân cập nhật thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì việc thực hiện trình tự, thủ

tục đăng ký cư trú cho công dân cũng cần có sự điều chỉnh cho phù hợp với hình thức quản lý mới cũng như yêu cầu quản lý dân cư trong tình hình mới; qua đó, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân khi thực hiện thủ tục đăng ký cư trú cũng như tạo ra sự chuyển biến căn bản trong quan hệ giải quyết thủ tục đăng ký cư trú giữa cơ quan nhà nước với người dân.

Thứ tư, đáp ứng yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý cư trú mà trọng tâm ở đây là xây dựng, quản lý cư trú qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Trong điều kiện nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chủ động hội nhập quốc tế, yêu cầu đặt ra là phải hiện đại hóa công tác quản lý cư trú theo hướng ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, phù hợp với xu hướng của các nước trên thế giới. Trong khi đó, khoa học, công nghệ trong đăng ký, quản lý cư trú ở nước ta còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng tăng của công dân, chưa bảo đảm phục vụ tốt yêu cầu quản lý dân cư và hội nhập quốc tế; mặt khác, dữ liệu đăng ký, quản lý cư trú hiện nay chủ yếu được lưu trữ thủ công; việc cấp, quản lý, sử dụng giấy tờ về đăng ký, quản lý cư trú tuy có nhiều cố gắng cải tiến, sắp xếp hợp lý hơn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân; do đó, cần quy định việc đăng ký, quản lý cư trú theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để vừa quản lý chặt chẽ dân cư, vừa góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ cho công dân và từng bước thực hiện Chính phủ điện tử.

II. VỀ NHỮNG NỘI DUNG LỚN TRONG XÂY DỰNG LUẬT

Sau kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XIV vừa qua, dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) được chỉnh lý gồm 07 chương, 39 điều và có những nội dung mới, sửa đổi, bổ sung so với Luật Cư trú năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) như sau:

Một là, dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) quy định thay thế việc quản lý cư trú (thường trú, tạm trú) từ phương thức thủ công bằng sổ giấy sang phương thức quản lý hiện đại bằng công nghệ thông tin; cụ thể là quản lý cư trú bằng việc sử dụng mã số định danh cá nhân để truy cập, cập nhật, điều chỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thông tin về nơi thường trú, nơi tạm trú của mỗi công dân đều là trường thông tin dữ liệu số được cập nhật, điều chỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ quan, tổ chức và công dân có thể khai thác, sử dụng để phục vụ giao dịch dân sự, giải quyết các thủ tục hành chính...

Dự thảo Luật đã bỏ các quy định về: Sổ Hộ khẩu, Sổ Hộ khẩu cấp cho hộ gia đình, cấp cho cá nhân, giấy chuyển hộ khẩu; quyền được cấp, cấp lại, đổi Sổ Hộ khẩu, Sổ Tạm trú...

Việc đổi mới phương thức quản lý theo hướng này giúp công dân không cần mang theo các loại giấy tờ có chứa thông tin cá nhân đã thể hiện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cũng như không phải sao y chứng thực các loại giấy

tờ này khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc tham gia giao dịch dân sự mà chỉ cần mang theo thẻ Căn cước công dân hoặc cung cấp mã số định danh cá nhân cho cơ quan chức năng để thực hiện.

Hai là, sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đăng ký cư trú theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính

Việc thực hiện quản lý dân cư thông qua phương thức mới bằng mã số định danh cá nhân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú sẽ dẫn đến việc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ 13 nhóm thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký, quản lý thường trú, tạm trú của công dân; do vậy, dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) đã bỏ các thủ tục như: Cấp đổi, cấp lại Sổ Hộ khẩu; Cấp giấy chuyển hộ khẩu; Cấp đổi, cấp lại Sổ Tạm trú; Điều chỉnh những thay đổi trong Sổ Hộ khẩu, Sổ Tạm trú... đồng thời, sửa đổi, bổ sung một số thủ tục như về tách Sổ Hộ khẩu (được xác định theo hướng đây là việc tách hộ gia đình), hủy bỏ kết quả đăng ký thường trú, tạm trú trái pháp luật...

Bên cạnh đó, do sử dụng phương thức quản lý hiện đại này nên thời hạn giải quyết đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cho công dân cũng đơn giản, rút ngắn cả về thủ tục và thời gian. Nếu như hiện nay thời gian giải quyết đăng ký thường trú là 15 ngày thì theo dự thảo Luật sẽ tối đa là 07 ngày.

Ba là, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng bỏ các quy định riêng về điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương (tức là, không có quy định riêng về điều kiện đăng ký thường trú tại thành phố trực thuộc Trung ương; việc đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là như nhau, không có sự phân biệt và được áp dụng chung, thống nhất trên toàn quốc). Quy định này nhằm tạo sự bình đẳng trong quản lý cư trú đối với mọi công dân; bảo đảm quyền tự do cư trú của công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và bảo đảm tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đang sinh sống trên địa bàn thành phố trực thuộc Trung ương nhưng chưa được đăng ký thường trú mặc dù có chỗ ở hợp pháp.

Bốn là, Ngoài các trường hợp bị xóa đăng ký thường trú như hiện nay, xuất phát từ thực tiễn và để nâng cao hiệu quả quản lý về cư trú, nắm đúng thực tế số hộ, số người thường trú trên địa bàn, phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hoạch định, thực hiện chính sách an ninh xã hội và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người có liên quan, dự thảo Luật đã bổ sung một số trường hợp xóa đăng ký thường trú:

(1) Người vắng mặt tại nơi thường trú trên 12 tháng liên tục trừ trường hợp đã đăng ký tạm trú tại chỗ ở khác, đã khai báo tạm vắng hoặc xuất cảnh ra nước ngoài nhưng không phải để định cư.

(2) Người đã được cơ quan có thẩm quyền cho thôi quốc tịch Việt Nam; bị tước, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

(3) Người đã đăng ký thường trú tại chỗ ở là do được thuê, mượn, ở nhờ nhưng đã hết thời hạn thuê, không được mượn, không được ở nhờ nữa.

(4) Người đăng ký thường trú tại chỗ ở đã bị phá dỡ, kê biên, tịch thu và người đã bán nhà, tàu, thuyền, phương tiện khác là chỗ ở dùng để đăng ký thường trú bị xóa đăng ký thường trú sau 12 tháng kể từ ngày bán nhà, tàu, thuyền, phương tiện đó; trừ trường hợp được chủ sở hữu tài sản mới đồng ý cho tiếp tục đăng ký thường trú.

Năm là, bổ sung quy định để quản lý đối với trường hợp công dân không đủ điều kiện đăng ký thường trú, tạm trú để bảo đảm quản lý tốt hơn đối với nhóm người này (đây là những người chưa đăng ký thường trú, tạm trú ở đâu như người di cư, sống lang thang, không có giấy tờ tùy thân, không có chỗ ở hợp pháp hoặc có chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ nhưng không được chủ hộ đồng ý cho đăng ký thường trú, tạm trú...). Việc bổ sung quy định này nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người dân, giúp cơ quan nhà nước nắm được tình hình của những người này và hỗ trợ họ.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO LUẬT CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. Về điều kiện đăng ký thường trú

Nội dung này Bộ Công an thống nhất theo đa số ý kiến của đại biểu là quy định điều kiện đối với trường hợp thuê, mượn, ở nhờ cần bảo đảm yêu cầu về diện tích bình quân tối thiểu làm điều kiện để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp nhằm bảo đảm điều kiện sống cần thiết cho người dân, phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn của từng địa phương và giảm áp lực cho việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; tuy nhiên, cần quy định mức tối thiểu là không dưới 08 m² sàn/người để bảo đảm điều kiện sống và phù hợp với điều kiện của đa số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (*Theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 thì mục tiêu đến năm 2020 diện tích nhà ở bình quân toàn quốc đạt khoảng 25m² sàn/người, trong đó tại đô thị đạt 29m² sàn/người và tại nông thôn đạt 22m² sàn/người; phấn đấu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 08m² sàn/người. Đến năm 2030, phấn đấu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn quốc khoảng 30m² sàn/người, diện tích nhà ở tối thiểu đạt 12m² sàn/người*).

Các nội dung còn lại là giữ nguyên như dự thảo Luật do Chính phủ trình.

Bên cạnh đó, một số đại biểu Quốc hội đề nghị quy định thêm tiêu chí về thời gian tạm trú nhất định tại địa bàn là điều kiện đăng ký thường trú vào chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ. Tuy nhiên, Bộ Công an đề nghị không nên quy định tiêu chí này vì đây là quy định để hạn chế công dân đang sinh sống tại các thành phố trực thuộc trung ương được đăng ký thường trú vào các đô thị này của Luật Cư trú hiện hành; quy định này tạo ra sự phân biệt đối xử, bất bình đẳng giữa các công dân. Do vậy, không nên tiếp tục giữ quy định này và mở rộng phạm vi áp dụng đối với tất cả các tỉnh trong cả nước.

2. Về xóa đăng ký thường trú và xóa đăng ký tạm trú

Nội dung này Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật do Chính phủ trình như ý kiến của đa số đại biểu Quốc hội. Việc xóa đăng ký đối với trường hợp “công dân vắng mặt tại nơi thường trú từ 12 tháng trở lên...” là để nâng cao trách nhiệm của công dân trong việc chấp hành pháp luật về cư trú; giúp chính quyền địa phương các cấp có thể hoạch định chính sách phát triển kinh tế được chính xác, sát với nhu cầu của người dân trong địa bàn quản lý, bố trí nguồn lực hợp lý cho các đối tượng thụ hưởng hợp pháp đang thực tế sinh sống trên địa bàn.

Việc xóa đăng ký thường trú trong trường hợp này không có nghĩa là xóa toàn bộ thông tin của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú mà tất cả thông tin của công dân trong 02 cơ sở dữ liệu này vẫn được lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng như bình thường. Việc xóa đăng ký thường trú của công dân còn được thể hiện trong cả hồ sơ lưu trữ của cơ quan đăng ký, quản lý cư trú. Đối với những trường hợp bị xóa sẽ thể hiện rõ cả lý do bị xóa và thời điểm bị xóa ở trường thông tin về nơi thường trú, nơi tạm trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Về thời hạn tạm trú, gia hạn tạm trú

Dự thảo Luật quy định về giải thích từ ngữ “nơi tạm trú”, điều kiện đăng ký tạm trú, hồ sơ, thủ tục đăng ký tạm trú theo hướng công dân tạm trú không có thời hạn. Vấn đề này, Bộ Công an đề nghị bổ sung vào dự thảo Luật Cư trú (sửa đổi) quy định về thời hạn tạm trú và gia hạn tạm trú, bởi vì:

Một là, để phù hợp với đặc điểm, khái niệm trong giải thích từ ngữ về “nơi tạm trú” quy định tại Điều 2 dự thảo Luật là *nơi công dân sinh sống trong một khoảng thời gian nhất định* ngoài nơi thường trú và đã được đăng ký tạm trú.

Hai là, để phân biệt nơi tạm trú với nơi thường trú (*là nơi công dân sinh sống ổn định, lâu dài, không xác định thời hạn*).

Ba là, kế thừa quy định còn phù hợp với thực tiễn của Luật Cư trú hiện hành (*khoản 4 Điều 30 Luật Cư trú hiện hành quy định Sổ tạm trú có thời hạn*).

tối đa là 24 tháng, hết thời hạn tạm trú công dân đến cơ quan Công an nơi cấp sổ tạm trú để làm thủ tục gia hạn).

Bốn là, để bảo đảm chặt chẽ trong công tác quản lý cư trú, nếu người đã đăng ký tạm trú mà không còn cư trú ở địa điểm đã đăng ký và không làm thủ tục gia hạn tạm trú thì sẽ bị xóa đăng ký tạm trú.

4. Về thời điểm có hiệu lực của Luật và quy định chuyển tiếp

Dự thảo Luật đưa ra 02 phương án: Phương án 01 quy định sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã được cấp vẫn tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2022; Phương án 02 quy định sổ hộ khẩu, sổ tạm trú không có giá trị sử dụng trong các giao dịch, quan hệ pháp luật được xác lập mới kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Bộ Công an đề nghị chỉ đề 01 phương án tại dự thảo Luật (Phương án 02) là như nội dung do Chính phủ trình Quốc hội (*Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021; sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ được tiếp tục sử dụng để giải quyết các giao dịch, giấy tờ, tài liệu được xác lập trước ngày Luật có hiệu lực thi hành như quy định tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật do Chính phủ trình*), không có quy định chuyển tiếp là được sử dụng tiếp đến hết ngày 31/12/2022.

Vấn đề này đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an đã có ý kiến báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 47 ngày 10/8/2020 và đa số Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng nhất trí với định hướng này./.

**MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN
Về dự án Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi)**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ: "Hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế".

Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 16/8/2019 của Bộ Chính trị về "tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy" (gọi tắt là Chỉ thị 36) đã đưa ra yêu cầu "Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho công tác phòng, chống ma túy. Sớm sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo hướng đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thực tiễn công tác phòng, chống ma túy, có chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy...".

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng rất quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác phòng, chống ma túy, đặc biệt nhấn mạnh đến công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy. Ngày 16/9/2016, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 295/TB-VPCP thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, theo đó đồng chí Phó Thủ tướng giao Bộ Công an "... Nghiên cứu trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy...". Ngày 05/6/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 25/CT-TTg về "tăng cường công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy trong tình hình mới" (gọi tắt là Chỉ thị 25), trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm là: "Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy theo hướng bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tăng cường công tác phòng ngừa, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đẩy mạnh công tác cai nghiện tự nguyện, giảm cai nghiện bắt buộc", Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an "Chủ trì tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy...".

2. Cơ sở thực tiễn

Việc triển khai thực hiện Luật Phòng, chống ma túy đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực như: công tác quản lý nhà nước về phòng, chống

ma túy đi vào nề nếp và có hiệu quả; nhận thức của cán bộ, công chức các cấp và đông đảo người dân trong xã hội về tác hại của ma túy và trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân được nâng lên; công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy đã có sự đổi mới về nội dung đa dạng về hình thức, huy động được sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành, đông đảo quần chúng, nhiều mô hình tuyên truyền giáo dục phòng, chống ma túy có hiệu quả được triển khai, nhân rộng; từng bước đổi mới công tác cai nghiện ma túy; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy đạt được nhiều kết quả; phát hiện, điều tra, khám phá nhiều tổ chức, đường dây tội phạm sản xuất, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy lớn trong nước và xuyên quốc gia, thu giữ lượng ma túy rất lớn. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án ma túy được thực hiện nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Luật Phòng, chống ma túy và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đã tạo nền tảng pháp lý cho việc thực hiện công tác phòng, chống ma túy. Những kết quả triển khai thực hiện Luật Phòng, chống ma túy đã giúp kiềm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn ma túy, góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Việc ban hành và thực hiện có hiệu quả Luật Phòng, chống ma túy đã thể hiện trách nhiệm quốc tế của Việt Nam trong thực thi các Công ước quốc tế về phòng, chống ma túy cũng như các Nghị quyết liên quan của Liên hợp quốc.

Tuy nhiên, do sự phát triển nhanh và đa dạng của nền kinh tế, đời sống văn hóa – xã hội nên một số quan hệ xã hội mới liên quan đến phòng, chống ma túy xuất hiện nhưng chưa có quy định điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Chưa có quy định về quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy:

Số người sử dụng trái phép chất ma túy trong những năm vừa qua ngày càng gia tăng, đặc biệt là sử dụng ma túy tổng hợp, hình thức sử dụng phong phú, đa dạng từ hút, hít, tiêm chích sang uống, ngậm (ma túy tổng hợp, thuốc hướng thần)... Tình hình sử dụng trái phép chất ma túy có xu hướng gia tăng đang diễn biến phức tạp, nhất là từ khi Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có hiệu lực thi hành thì hành vi sử dụng trái phép chất ma túy không bị coi là tội phạm và không bị xử lý hình sự. Sự phát triển bùng nổ của các loại hình kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự như vũ trường, quán Bar, nhà hàng¹.... đã tạo điều kiện cho các đối tượng lợi dụng tổ chức sử dụng ma túy tổng hợp. Nhiều trường hợp sử dụng ma túy, nhất là ma túy tổng hợp, ngay từ lần sử dụng đầu tiên đã gây ra nguy hiểm cho chính bản thân mình và gây mất

¹ Theo thống kê của Cục C04, năm 2019 cả nước có 3.879 cơ sở kinh doanh có điều kiện (Vũ trường, quán Bar, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, Club...) có biểu hiện liên quan đến tội phạm và tệ nạn ma túy. Đã xử lý hành chính 13.868 đối tượng có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại các cơ sở này; độ tuổi dưới 18 chiếm 4%, từ đủ 18 đến 35 tuổi chiếm 85%, từ 35 tuổi trở lên chiếm 11%.

Theo báo cáo ma túy thế giới, năm 2018 trên toàn thế giới ước tính có 450.000 ca tử vong do sử dụng ma túy năm 2015; trong số đó có 167.750 người chết do liên quan trực tiếp đến các rối loạn sử dụng ma túy, chủ yếu là quá liều.

an ninh, trật tự; đặc biệt người sử dụng ma túy tổng hợp bị loạn thần (ngáo đá), không kiểm soát được hành vi gây ra các vụ thảm án, gây hoang mang trong dư luận nhân dân, có những vụ đối tượng giết chính người thân của mình. Trong khi đó, chưa có quy định của pháp luật về quản lý đối tượng này nên mặc dù thấy được tính chất nguy hiểm, hậu quả gây ra cho xã hội, nhưng quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy chưa được quan tâm một cách đúng mức, dẫn đến hậu quả do những người sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội trong thời gian qua là vô cùng nghiêm trọng, gây bất an trong nhân dân. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định hiện nay chỉ bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000đ là chưa đủ sức răn đe. Do đó, cần phải quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy và "có chế tài nghiêm khắc hơn đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy" theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chỉ thị 36 của Bộ Chính trị.

Thứ hai: Quy định về công tác cai nghiện còn một số bất cập:

Số người nghiện gia tăng, năm 2009 cả nước có 146.731 người nghiện có hồ sơ quản lý, đến tháng 12/2019 cả nước có 235.314 người nghiện có hồ sơ quản lý (tăng 60%), xuất hiện nhiều chất ma túy mới, nhất là ma túy tổng hợp. Công tác lập hồ sơ đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gặp khó khăn, người nghiện ở ngoài xã hội nhiều, tác động rất lớn đến tình hình trật tự, an toàn, xã hội; đội ngũ cán bộ làm công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng chủ yếu là kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu, hiệu quả không cao, nhiều địa phương làm mang tính hình thức; công tác quản lý sau cai tại nơi cư trú và tại cơ sở quản lý sau cai không còn phù hợp; chưa có quy định về cai nghiện ma túy với người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do nghiện ma túy. Công tác xã hội hóa cai nghiện còn nhiều khó khăn, hiện nay các cơ sở cai nghiện do các tổ chức, cá nhân thành lập chưa được quan tâm và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, trong khi đây là lĩnh vực lợi nhuận không cao nên không thu hút được các nhà đầu tư. Cơ sở vật chất ở một số cơ sở cai nghiện còn thiếu, xuống cấp, chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng, dẫn đến khó khăn, bất tiện trong sinh hoạt, dễ gây bức xúc cho học viên. Các học viên sau khi cai nghiện ở các cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về cộng đồng khó kiếm việc làm để ổn định cuộc sống.

Thứ ba: Luật Phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2008 có một số nội dung chưa bảo đảm sự thống nhất đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Cụ thể như: Mâu thuẫn với Luật Xử lý vi phạm hành chính về quy định thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: Luật phòng, chống ma túy quy định việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện, Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Mâu

thuần với Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự về thẩm quyền điều tra của Bộ đội Biên phòng, cụ thể: Luật Phòng, chống ma túy quy định cơ quan chuyên trách Phòng, chống ma túy của Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát Biên có chức năng phòng ngừa, ngăn chặn hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần tại khu vực hoặc địa bàn quản lý, kiểm soát; Bộ luật Tố tụng hình sự và Luật Tổ chức Cơ quan điều tra quy định thẩm quyền điều tra của Bộ đội Biên phòng ngoài việc có thẩm quyền điều tra về tội phạm mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, còn có thẩm quyền tiến hành một số hoạt động điều tra với các tội khác như: tội trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác chứa chất ma túy; sản xuất trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tàng trữ, vận chuyển mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; Cảnh sát Biên được tiến hành điều tra đối với các tội: Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tàng trữ, vận chuyển mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy; sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy. Điều 259 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm một số hành vi mới như: *"Vi phạm quy định về tạm nhập, tái xuất, giao nhận, quản lý, kiểm soát, lưu giữ, cấp phát, cho phép sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện hoặc thuốc hướng thần"* nhưng trong Luật Phòng, chống ma túy chưa quy định nghiêm cấm các hành vi này. Sự không thống nhất giữa Luật Phòng, chống ma túy với các Bộ luật và luật nêu trên đã ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác phòng, chống ma túy.

Ngoài ra còn một số vấn đề của thực tiễn đang đặt ra, nhưng luật Phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2008 chưa đáp ứng được, cụ thể như sau:

Phòng, chống ma túy là lĩnh vực đặc thù, có nhiều hiểm nguy, trung bình trong 05 năm gần đây, cả nước phát hiện khoảng 20.000 vụ với trên 30.000 đối tượng vi phạm pháp luật về ma túy, khối lượng chất ma túy thu giữ tính bằng tấn. Tội phạm ma túy trong nước tổ chức, cấu kết với các đối tượng người nước ngoài ngày càng chặt chẽ, các đối tượng chủ mưu, cầm đầu các tổ chức tội phạm ma túy xuyên quốc gia phần lớn sinh sống ở nước ngoài. Cán bộ trong lĩnh vực phòng, chống ma túy luôn đứng trước các hiểm nguy, hy sinh, nguy cơ lây nhiễm HIV... Nhưng Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) chưa tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho cơ chế phối hợp điều tra của lực lượng điều tra trong nước với các nước, các tổ chức phòng, chống ma túy

quốc tế; chưa có chính sách ưu đãi đối với lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy, cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

Một số hoạt động chưa được đưa vào kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy như tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, đây là các hoạt động trên thực tiễn diễn ra thường xuyên, rất dễ bị các đối tượng lợi dụng hoạt động phạm tội về ma túy. Một số loại thuốc có chứa chất ma túy, tiền chất cũng chưa được quy định kiểm soát. Thực tế các đối tượng đã lợi dụng sản xuất ma túy tổng hợp từ các loại thuốc này². Tính đến nay, cả nước đã phát hiện, bắt giữ 44 vụ sản xuất trái phép chất ma túy (trong đó có 01 vụ sản xuất Heroine, 43 vụ sản xuất ma túy tổng hợp), 15 vụ sản xuất ma túy tổng hợp bằng cách chiết xuất tiền chất từ thuốc tân dược (chiếm 35%).

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi) là yêu cầu cấp thiết, khách quan để thể chế hóa quan điểm của Đảng, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng, chống ma túy, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

- Việc xây dựng Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi) nhằm tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách pháp luật về phòng, chống ma túy và khắc phục những hạn chế, bất cập trong các quy định của Luật Phòng, chống ma túy năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2008 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống ma túy, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống ma túy. Trong đó, lực lượng Công an nhân dân là nòng cốt, chủ trì công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy.

- Nâng cao nguồn lực cho công tác phòng, chống ma túy, củng cố lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy. Quản lý tốt người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, góp phần ngăn chặn, đấu tranh từng bước loại trừ tệ nạn ma túy, tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội.

- Mở rộng tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy. Ngăn chặn có hiệu quả nguồn ma túy thâm lậu vào trong nước, kiên quyết không để Việt Nam là địa bàn trung chuyển ma túy quốc tế.

2. Quan điểm chỉ đạo

² Năm 2017 Công an TP Hà Nội bắt giữ 04 vụ/04 đối tượng, Công an Lạng Sơn bắt 02 vụ chiết xuất Ketamin từ thuốc thú y KetamillInjection, thuốc gây mê cho động vật khi phẫu thuật.

- Quán triệt và thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống ma túy, đặc biệt là tại Chỉ thị số 36 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 25 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công tác phòng, chống ma túy.

- Tổng kết đầy đủ và toàn diện về công tác phòng, chống ma túy trong những năm qua; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế, đáp ứng yêu cầu của công tác phòng, chống ma túy hiện nay và trong những năm tiếp theo.

- Đảm bảo phù hợp với thông lệ và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là 03 Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc về ma túy các năm 1961, 1971, 1988, các cam kết quốc tế, khu vực và một số công ước quốc tế về quyền con người. Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm pháp luật và thực tiễn công tác phòng, chống ma túy của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bổ sung một số nội dung quy định chung

- Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Luật quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn ma túy; kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống ma túy, hợp tác quốc tế về ma túy và quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy.

- Bổ sung Điều luật quy định đối tượng áp dụng của luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống ma túy.

- Tách khái niệm "tội phạm về ma túy" ra khỏi "tệ nạn ma túy" nhằm xác định đúng tính chất của "tội phạm về ma túy" và "tệ nạn ma túy" vì tệ nạn là hiện tượng xã hội còn tội phạm là hành vi cụ thể được qui định trong Bộ luật Hình sự cần tập trung đấu tranh.

- Bổ sung các khái niệm: người sử dụng trái phép chất ma túy, cai nghiện ma túy, thuốc tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

+ Người sử dụng trái phép chất ma túy là người tự ý hoặc đồng ý cho người khác đưa chất ma túy vào cơ thể mình mà không được sự cho phép của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền. Việc bổ sung khái niệm này để phân biệt với “người nghiện ma túy”, ngăn chặn họ tiếp tục sử dụng và dẫn đến nghiện ma túy, kịp thời giám sát, quản lý, giáo dục không để họ gây rối trật tự, đe dọa tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và tài sản của người khác.

+ Cai nghiện ma túy là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về tâm lý, xã hội và y tế giúp người nghiện thay đổi nhận thức, hành vi, phục hồi thể

chất, tinh thần nhằm giảm sử dụng ma túy, tác hại của ma túy. Việc bổ sung khái niệm này giúp nhận thức đầy đủ về công tác cai nghiện ma túy.

- Thuốc tiền chất; thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất: đây là loại thuốc cần đưa vào hoạt động kiểm soát liên quan đến ma túy, không để tội phạm lợi dụng sản xuất ma túy từ các loại thuốc này.

- Về chính sách phòng, chống ma túy: bổ sung quy định để đảm bảo điều kiện cho công tác phòng, chống ma túy, tăng cường nguồn lực và năng lực cho các cơ quan chuyên trách phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

2. Trách nhiệm phòng, chống ma túy

- Trách nhiệm của cá nhân, gia đình

Dự thảo Luật đã quy định theo hướng cá nhân, tổ chức có trách nhiệm giúp đỡ, cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng đấu tranh với tội phạm ma túy.

- Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy

+ Bổ sung nội dung quy định để cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy thuộc Công an nhân dân đấu tranh với tội phạm ma túy hiệu quả hơn: "Phối hợp với cơ quan chức năng chống tội phạm ma túy của các nước và các tổ chức chống tội phạm ma túy quốc tế để trao đổi thông tin tiến hành điều tra các vụ án liên quan đến tội phạm ma túy xuyên quốc gia".

+ Cơ quan chuyên trách phòng, chống tội phạm ma túy thuộc Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan trong phạm vi địa bàn, khu vực quản lý được phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy chứ không chỉ hạn chế ở các hành vi mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần như quy định của Luật hiện hành. Việc bổ sung nội dung này để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy của các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan.

3. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

Xuất phát từ tình hình phức tạp của người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian vừa qua, nhưng pháp luật chưa có quy định quản lý những người này. Qua khảo sát thực tiễn, dự thảo luật đã xây dựng các quy định nhằm quản lý tốt người sử dụng trái phép chất ma túy. Việc quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy được áp dụng ngay lần đầu người đó sử dụng trái phép chất ma túy, mục đích là ngăn chặn không để họ tiếp tục sử dụng, từ đó góp phần làm giảm người nghiện ma túy, điều này có tác dụng rất tốt ngay chính với người sử dụng trái phép chất ma túy, gia đình của họ và xã hội. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy không phải là biện pháp xử lý vi phạm hành chính. Trong thời gian quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy nếu người đó thuộc đối tượng

áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính, nếu được xác định tình trạng nghiện thì thực hiện theo các quy định về công tác cai nghiện.

- Xác định người sử dụng trái phép chất ma túy: là người có xét nghiệm dương tính với chất ma túy, việc sử dụng chất ma túy của người đó không được pháp luật cho phép và chưa xác định được tình trạng nghiện. Cơ quan Y tế và Công an có thẩm quyền xét nghiệm. Quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy là biện pháp phòng ngừa nhằm giúp người sử dụng trái phép chất ma túy không tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật của họ.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao Công an cấp xã chủ trì phối hợp cơ quan, tổ chức, đoàn thể cùng cấp và gia đình quản lý, giáo dục, động viên người sử dụng trái phép chất ma túy tổ chức phân công cơ quan, tổ chức, đoàn thể cùng cấp phối hợp với gia đình giáo dục, động viên người sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quy định rõ trách nhiệm người sử dụng trái phép chất ma túy; gia đình, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Nhà nước đảm bảo kinh phí cho xét nghiệm và đưa người sử dụng trái phép chất ma túy đi xét nghiệm.

- Thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy: 01 năm đối với người sử dụng trái phép chất ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên; 06 tháng đối với người sử dụng trái phép chất ma túy dưới 18 tuổi, kể từ ngày xác định được hành vi sử dụng trái phép chất ma túy gần nhất của người đó.

- Thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy: Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn quản lý. Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện việc thống kê người sử dụng trái phép chất ma túy.

4. Cai nghiện ma túy

Nhằm khắc phục tình trạng bất cập trong công tác cai nghiện thời gian qua, đảm bảo tính đồng bộ với pháp luật Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời bổ sung các quy định mới đảm bảo công tác cai nghiện hiệu có hiệu quả, cụ thể như sau:

Một là, Dự thảo Luật tạo điều kiện cho người nghiện cai nghiện tự nguyện, điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; nếu người nghiện vẫn tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy hoặc vi phạm bị chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế hoặc lợi dụng việc cai nghiện tự nguyện để không bị áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc thì sẽ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nhà nước đảm bảo kinh phí cho công tác cai nghiện bắt buộc, xây dựng các cơ sở công lập; hỗ trợ một phần kinh phí cho công tác cai nghiện tự nguyện.

Có chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào công tác cai nghiện. Khuyến khích thành lập các cơ sở cai nghiện tư nhân. Cán bộ làm việc tại cơ sở cai nghiện công lập được sử dụng trang phục thống nhất theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để góp phần bảo vệ cho cán bộ, đồng thời có cơ sở để xử lý các hành vi chống đối người thi hành công vụ trong các cơ sở cai nghiện công lập, góp phần không để xảy ra tình trạng gây rối, bỏ trốn tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập đối với người nghiện bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Hai là, quy định về hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân được tổ chức hoạt động cai nghiện tự nguyện. Chỉ có cơ sở cai nghiện ma túy công lập mới tiếp nhận người nghiện bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tại các cơ sở có bố trí các khu riêng phù hợp với từng đối tượng và để đảm bảo quyền lợi cho người cai nghiện.

Việc tiến hành cai nghiện tại gia đình, cộng đồng do cơ quan chuyên môn thực hiện. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy tư nhân và các cơ sở y tế, xã hội khác có đủ điều kiện theo quy định của Chính phủ được phép cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện có trách nhiệm đảm bảo chất lượng dịch vụ cai nghiện ma túy; niêm yết công khai giá dịch vụ cai nghiện ma túy theo quy định của pháp luật. Việc đổi mới công tác cai nghiện tại gia đình, cộng đồng theo mô hình này không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới và ngân sách nhà nước.

Giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn quản lý.

- Ba là, quy định cụ thể các trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên và cai nghiện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Đối tượng, trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người nghiện từ đủ 18 tuổi trở lên vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo pháp luật về Xử lý vi phạm hành chính. Đối tượng, trình tự, thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Người nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc trường hợp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thẩm quyền quyết định do Tòa án nhân dân cấp huyện trên cơ sở tham khảo ý kiến của cơ quan bảo vệ trẻ em cùng cấp và không coi là việc xử lý vi phạm hành chính. Cơ sở cai nghiện đảm bảo quyền được học văn

hóa cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Có chế độ cai nghiện riêng, phù hợp và đảm bảo quyền trẻ em cho độ tuổi từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Bốn là, bổ sung quy định về cai nghiện ma túy cho người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do nghiện ma túy. Theo đó tạo điều kiện cho người nước ngoài cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện, nếu không đăng ký cai nghiện tự nguyện thì trục xuất về nước. Đối với người Việt Nam ở nước ngoài bị trục xuất về nước do nghiện ma túy thì phải đến cơ quan chuyên môn xác định tình trạng nghiện, nếu có kết quả xác định là nghiện thì thực hiện theo các quy định về cai nghiện.

Không quy định biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng, vì thực tế biện pháp này không đủ nguồn lực về con người, vật chất và không hiệu quả. Những năm gần đây, nhiều địa phương không triển khai thực hiện được hoặc thực hiện mang tính hình thức.

- Năm là, người đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập mà bị phát hiện thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu bị tòa án xử phạt tù thì người đó được miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Sáu là, quy định cụ thể công tác thống kê người nghiện ma túy cho các Bộ, ngành, trong đó Bộ Công an có trách nhiệm tổng hợp số liệu chung về người nghiện. Đảm bảo công tác thống kê người nghiện được chính xác, kịp thời.

5. Quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy

- Bổ sung trách nhiệm cho Bộ Công an về giám sát, quản lý, theo dõi người sử dụng trái phép chất ma túy. Bộ Quốc phòng về phối hợp với cơ quan hữu quan của nước khác để phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về ma túy và kiểm soát hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy ở khu vực biên giới và trên biển. Bộ Y tế trong quản lý thuốc tiền chất; nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất. Quy định trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cho phù hợp với các nội dung về công tác cai nghiện ma túy được sửa đổi.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy, theo đó:

Bộ Thông tin và truyền thông có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan; chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền phòng, chống ma túy.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan lồng ghép nội dung tuyên truyền về phòng, chống ma túy vào các hoạt

động văn hóa, thể thao, du lịch; chỉ đạo, trực tiếp tổ chức quản lý, kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, dịch vụ, thể thao và du lịch không để sơ hở làm phát sinh tệ nạn ma túy.

Quy định cụ thể như trên để nâng cao trách nhiệm của từng Bộ, đồng thời phù hợp với chức năng của các Bộ./.

MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN
Về dự án Luật Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/02/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 trong đó xác định: *Công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là một nội dung của công tác bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội* và đề ra một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: *Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về trật tự, an toàn giao thông phù hợp với tình hình mới.*

- Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 17/02/2020, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 14/5/2020, Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 31/8/2020, *trong đó Chính phủ đã thống nhất về sự cần thiết xây dựng, ban hành Luật Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*

- Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 về bảo vệ quyền sống, bảo vệ tính mạng, sức khỏe con người.

Như vậy, các nội dung nêu trên là chủ trương vững chắc, là yêu cầu cấp thiết làm cơ sở chính trị, pháp lý cho việc ban hành Luật Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đáp ứng yêu cầu công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới.

2. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 đồng thời điều chỉnh hai lĩnh vực khác nhau là: Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (*thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội*) chủ yếu điều chỉnh mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và các cá nhân để bảo đảm trạng thái giao thông có trật tự, an toàn, đúng pháp luật; xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, vận tải đường bộ (*thuộc lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật*), chủ yếu điều chỉnh mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với các tổ chức, cá nhân khi thiết kế, quy hoạch, xây dựng và chuyển giao các công trình hạ tầng giao thông, kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải. Đây là hai lĩnh vực rất lớn và khác nhau nhưng lại được điều

chỉnh trong cùng một đạo luật dẫn đến không thể quy định đầy đủ, cụ thể, rõ ràng nhiều nội dung quan trọng thuộc cả hai lĩnh vực.

Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động bảo đảm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ liên quan, tác động đến quyền con người, quyền công dân mà theo tinh thần của Hiệp pháp thì những nội dung này phải được quy định trong văn bản luật. Trong đó, một số hoạt động đã được điều chỉnh trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008 như quy tắc giao thông, người và phương tiện tham gia giao thông, nhưng vẫn còn nhiều quy định thiếu cụ thể, chưa sát với thực tiễn.

Thứ hai, thực tiễn tình hình giao thông hiện nay có rất nhiều vấn đề đang đặt ra cần phải giải quyết: (1) tai nạn giao thông vẫn ở mức cao, trong 10 năm chết hơn 100.000 người (đất nước hòa bình mà chết như chiến tranh); (2) kiến thức, kỹ năng điều khiển phương tiện, ý thức chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông của nhiều người tham gia giao thông còn rất kém; (3) tình trạng coi thường pháp luật, vi phạm trật tự, an toàn giao thông; (4) ùn tắc giao thông vẫn rất phức tạp, nhất là tại các thành phố lớn; (5) tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật trên các tuyến giao thông diễn biến hết sức phức tạp, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa, xã hội và hình ảnh của Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Thứ ba, để nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Thứ tư, phù hợp với xu thế chuyên sâu hóa trong xây dựng pháp luật của nước ta hiện nay, phù hợp với Công ước Viên năm 1968 và kinh nghiệm xây dựng pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới.

Từ những lý do nêu trên cho thấy, việc xây dựng, ban hành Luật Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ là cần rất thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

Việc xây dựng Luật nhằm tạo ra bước chuyển biến cơ bản, bền vững trong việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe cho người tham gia giao thông, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; giảm ùn tắc giao thông gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng văn hóa giao thông văn minh tiệm cận dần đến văn minh giao thông của các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Bảo đảm sự phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, cụ thể hóa Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật; tương thích với các điều

ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc pháp luật về giao thông đường bộ của một số nước trên thế giới.

- Thực hiện xu thế chuyên sâu hóa trong xây dựng pháp luật hiện nay để bảo đảm thực hiện đầy đủ và hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành.

- Bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trên tuyến giao thông.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả công tác, tăng cường tính công khai, minh bạch; cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho Nhân dân.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG LỚN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về những quy định chung

Giải thích các từ ngữ liên quan đến quy tắc giao thông đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bổ sung một số khái niệm, định nghĩa mới (như người tham gia giao thông, ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, trung tâm chỉ huy giao thông, hệ thống giám sát, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ ...). Bổ sung nhiều hành vi bị nghiêm cấm là những hành vi nguy hiểm, có nguy cơ cao gây ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông hoặc gây mất an ninh, trật tự, như: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng; điều khiển phương tiện mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; dùng tay sử dụng điện thoại di động khi điều khiển phương tiện; ném gạch, đất, đá, cát hoặc vật thể khác vào phương tiện đang tham gia giao thông trên đường bộ; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường, ném đinh, rải đinh hoặc vật sắc nhọn khác trên đường bộ...

2. Về quy tắc giao thông đường bộ

Trên cơ sở nội luật hóa quy định trong Công ước Viên năm 1968 về Giao thông đường bộ phù hợp với điều kiện Việt Nam, kế thừa những quy định còn hợp lý của Luật Giao thông đường bộ năm 2008, luật hóa một số quy định ở các văn bản dưới luật, bổ sung một số quy định mới phù hợp với tình hình thực tiễn và phù hợp với nhiều quốc gia trên thế giới. Trong đó, đã sửa đổi, bổ sung đầy đủ và rõ ràng hơn một số quy tắc giao thông, như: Người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ tham gia giao thông phải chú ý bảo đảm an toàn cho trẻ em, người già, người khuyết tật, người đi bộ và người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ; trẻ em dưới 12 tuổi hoặc dưới 1,35 mét được chở trên xe ô tô chở người không được ngồi ở hàng ghế trước (vị trí ghế cạnh người lái xe) khi tham gia giao thông đường bộ, trừ trường hợp đối với xe chỉ có một hàng ghế; đối với trẻ em dưới 4 tuổi phải được chở bằng ghế ngồi thiết kế dành cho trẻ em; người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường; mở cửa xe... Mô tả, làm rõ hơn một số quy tắc như tránh, vượt, chuyển hướng,

chuyên làn, sử dụng còi, đèn tín hiệu, giao thông trên đường cao tốc, trong hầm đường bộ...

3. Về phương tiện và người điều khiển phương tiện tham gia giao thông

- Phương tiện tham gia giao thông

Khoa học và thực tiễn xác định phương tiện tham gia giao thông là một trong 3 thành tố chính của hoạt động giao thông đường bộ có liên quan trực tiếp đến trật tự, an toàn giao thông. Với số lượng phương tiện và cơ cấu vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng lớn, phương tiện khi tham gia giao thông phải được quản lý chặt chẽ để phòng ngừa tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, gắn trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi vi phạm hành chính có liên quan đến phương tiện. Theo Bộ luật Dân sự, *phương tiện giao thông cơ giới đường bộ là nguồn nguy hiểm cao độ* vì tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông và thường được tội phạm lợi dụng tiến hành các hành vi phạm tội, như: Khủng bố, biểu tình, gây rối, giết người, vận chuyển ma túy, hàng cấm, hàng lậu, cướp giật, buôn bán người..., theo thống kê hầu hết các vụ vi phạm và tai nạn giao thông đường bộ đều liên quan đến người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới. Quản lý phương tiện là nội dung quan trọng để gắn trách nhiệm của chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện khi phương tiện tham gia giao thông, phục vụ công tác nghiệp vụ giải quyết các tình huống, sự cố, phân luồng, phân tuyến, hướng dẫn điều hành giao thông. Thông qua công tác đăng ký, quản lý phương tiện có thể nhanh chóng xác minh truy nguyên đối tượng sử dụng phương tiện để phạm tội, hợp thức hóa, sử dụng xe gian, xe lậu... Trong khi đó, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 chưa quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về công tác đăng ký, quản lý phương tiện, trách nhiệm của chủ phương tiện.

Trên cơ sở đó, dự thảo Luật quy định về các nội dung: Điều kiện tham gia giao thông đường bộ; cấp, thu hồi đăng ký và biển số xe cơ giới; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền về cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe; trách nhiệm của chủ xe cơ giới, phù hợp với Công ước Viên năm 1968 về Giao thông đường bộ và phù hợp thực tiễn Việt Nam. So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, đã bổ sung quy định chi tiết nhiều nội dung về công tác đăng ký, cấp biển số xe theo hướng chặt chẽ hơn, bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại.

- Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông

Cùng với phương tiện, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông là một thành tố cơ bản nhất của hoạt động giao thông, là chủ thể mang tính quyết định đến sự an toàn, bởi liên quan chặt chẽ đến các yếu tố như khả năng nhận thức và năng lực hành vi, kỹ năng lái xe, kỹ năng phán đoán, xử lý tình huống, điều kiện sức khỏe, trạng thái tâm lý, quá trình chấp hành pháp luật về hình sự, hành chính... Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải hiểu và chấp

hành các quy định của pháp luật để lưu thông an toàn, bảo đảm tính mạng, sức khỏe cho mình và cho những người tham gia giao thông khác (theo thống kê, nguyên nhân do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông chiếm gần 90% tổng số nguyên nhân các vụ tai nạn giao thông đường bộ, trong đó có nguyên nhân thiếu kỹ năng cơ bản phải được đào tạo để xử lý tình huống; có trên 50% các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng liên quan đến xe kinh doanh vận tải, trong đó nhiều vụ tai nạn giao thông thảm khốc làm chết, bị thương nhiều người, nguyên nhân là do người lái xe ngủ gật, sử dụng chất ma túy, rượu, bia...). Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông cũng có thể là chủ thể liên quan trực tiếp đến các vụ việc gây mất an ninh, trật tự trên đường giao thông, sử dụng phương tiện vào các mục đích phạm tội. *Vì vậy, việc quản lý người điều khiển phương tiện giao thông là quản lý hành vi của con người*, phải thực hiện đồng bộ, thường xuyên, liên tục, từ khâu đào tạo, đến sát hạch, cấp giấy phép lái xe và quản lý quá trình chấp hành pháp luật của người lái xe sau khi cấp giấy phép lái xe, không đơn thuần như việc quản lý các loại giấy phép, chứng chỉ thông thường khác.

Trên cơ sở xác định quản lý người lái xe là quản lý hành vi của con người, nội luật hóa Công ước Viên năm 1968 về Giao thông đường bộ, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của nhiều quốc gia tiên tiến trong khu vực và trên thế giới có thể áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam, dự thảo Luật quy định nhiều điểm mới trong công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe *theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, quản lý lái xe bằng cơ sở dữ liệu có liên thông với các bộ, ngành liên quan như Giao thông vận tải, Y tế...*; người đủ 17 tuổi trở lên được đăng ký học lái xe; người học lái xe được lựa chọn cơ sở đào tạo lái xe, giáo viên dạy lái theo yêu cầu, được đào tạo hoặc lựa chọn hình thức tự học các kiến thức về pháp luật giao thông đường bộ; người được cơ sở đào tạo xác nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo, được lựa chọn và đăng ký với cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe để tham dự kỳ sát hạch; kết quả đào tạo, sát hạch lái xe phải thông tin công khai; các cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe được thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ cơ sở, trung tâm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh); sửa đổi một số hạng giấy phép lái xe so với Luật Giao thông đường bộ năm 2008 để phù hợp với Công ước Viên năm 1968, như: Quy định 01 hạng B để cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 9 chỗ, xe ô tô tải, máy kéo có khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế không vượt quá 3.500kg; bỏ quy định hạng E, các hạng F, theo đó có 11 hạng giấy phép lái xe gồm: **A01, A2, A3, B, C, D2, D, BE, CE, D2E, DE**. Quy định về điểm của giấy phép lái xe, theo đó giấy phép lái xe có 12 điểm trong 12 tháng, giấy phép lái xe bị trừ hết điểm, sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm người lái xe nếu có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mới, phải sát

hạch lại và nếu giấy phép lái xe còn điểm thì được phục hồi 12 điểm sau 12 tháng kế tiếp.

4. Về tổ chức an toàn giao thông, chỉ huy, điều khiển giao thông và giải quyết ùn tắc giao thông đường bộ

Quy định cụ thể các nội dung trong tổ chức an toàn giao thông, gồm: Chỉ huy, điều khiển giao thông; vận hành đèn, hệ thống đèn tín hiệu giao thông phù hợp với tình hình giao thông; phòng ngừa và giải quyết ùn tắc giao thông; tạm thời đình chỉ đi lại ở một số đoạn đường nhất định, phân lại luồng, phân lại tuyến và nơi tạm dừng, đỗ phương tiện giao thông đường bộ khi có tình huống ùn tắc, tai nạn giao thông đường bộ hoặc các tình huống đột xuất khác; quy định người, phương tiện đi lại khu vực cấm, đường cấm trong một khoảng thời gian nhất định; bảo đảm an toàn giao thông các sự kiện chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội trên đường bộ; phối hợp quản lý các phương tiện siêu trường, siêu trọng tham gia giao thông trên đường bộ; khảo sát, kiến nghị giải quyết các bất cập về tổ chức giao thông trên đường bộ đang khai thác, sử dụng; tham gia tổ chức giao thông đối với các công trình giao thông trước khi đưa vào khai thác, sử dụng.

Quy định về bảo đảm an toàn giao thông các sự kiện trên đường bộ, gồm: Thông báo công khai phương án phân luồng giao thông để người tham gia giao thông biết, chấp hành; tổ chức thực hiện việc phân luồng, phân tuyến, cấm đường tạm thời, hạn chế đi lại trên một số tuyến đường nơi tổ chức các sự kiện; giải quyết các tình huống xảy ra trên đường bộ làm mất an toàn giao thông, ảnh hưởng đến an ninh, an toàn. Quy định về giải quyết những bất cập về tổ chức giao thông, gồm: Hạ tầng giao thông bị hư hỏng, có nguy cơ mất an toàn giao thông; công tác phân làn, phân luồng, phân tuyến chưa phù hợp; hệ thống báo hiệu đường bộ bất hợp lý; tuyến đường, đoạn tuyến thường xuyên xảy ra ùn tắc kéo dài; vị trí thường xảy ra các vụ tai nạn giao thông; những bất cập khác liên quan đến trật tự, an toàn giao thông. Quy định về chỉ huy, điều khiển giao thông; giải quyết ùn tắc giao thông.

Đây là các nội dung mới so với Luật Giao thông đường bộ năm 2008 để lực lượng chức năng có cơ sở pháp lý rõ ràng, đầy đủ khi tổ chức thực hiện.

5. Về giải quyết tai nạn giao thông đường bộ

Công tác giải quyết tai nạn giao thông liên quan trực tiếp tới quyền, nghĩa vụ của người dân và liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành. Hiện nay, trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008 tuy đã có quy định nhưng chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, tản mát ở vài điều luật, chủ yếu hướng dẫn tại các thông tư của các bộ, hiệu lực pháp lý chưa cao, do đó cần phải luật hóa và bổ sung các quy định mới để bảo đảm sự tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, hoàn thiện cho lực lượng chức năng thực thi nhiệm vụ, bảo đảm việc giải quyết tai nạn giao thông được kịp

thời, khách quan, chính xác, đúng pháp luật, khắc phục hậu quả các vụ tai nạn giao thông, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của các bên có liên quan trong vụ tai nạn giao thông.

6. Về thực thi pháp luật trong phát hiện, xử lý vi phạm

Quy định về tuần tra, kiểm soát bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, theo đó Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm tuần tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông đường bộ để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật khác của người và phương tiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật; phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm; đẩy mạnh việc sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, tiếp nhận thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm trật tự, an toàn giao thông do tổ chức, cá nhân cung cấp, sử dụng kết quả thu được từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ do tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cung cấp làm căn cứ xác định và xử lý các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Đây là những nội dung mới so với Luật Giao thông đường bộ năm 2008 để nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm; cải cách phương thức tuần tra, kiểm tra theo hướng hiện đại hóa, nâng cao hiệu lực và tính nghiêm minh của pháp luật.

7. Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Quy định nội dung quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ; phân công trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương một cách rõ ràng, rành mạch, đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, trong đó đã phân công, phân cấp nhiều nhiệm vụ quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông cho Ủy ban nhân dân các cấp.

Quy định về trung tâm chỉ huy giao thông và cơ sở dữ liệu dùng chung trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, theo đó trung tâm chỉ huy giao thông có chức năng giám sát, chỉ huy điều hành giao thông và xử lý vi phạm giao thông; kết nối và xử lý dữ liệu camera từ các cơ quan, tổ chức khác để phục vụ công tác bảo đảm an toàn giao thông gắn với bảo đảm an ninh, trật tự. Cơ sở dữ liệu dùng chung trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ phục vụ công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, công tác bảo đảm an ninh, trật tự và các công tác quản lý nhà nước khác có liên quan./.